

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 67/2025/HC-PT

Ngày: 13/02/2025

*V/v: Yêu cầu hủy Quyết định giải
quyết khiếu nại và buộc thực hiện
hành vi hành chính.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh.;

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 580/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “*Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại và buộc thực hiện hành vi hành chính*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 725/2025/QĐPT-HC, ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh B; địa chỉ: Đường P, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện L, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh H - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn H1 - Phó Chủ tịch UBND huyện L, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt và có ý kiến xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2024 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 1996 gia đình ông được thôn Đ giao 15 thước đất không đúng thẩm quyền, có nộp tiền sử dụng đất theo Phiếu thu số 15 ngày 28/01/1996. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 diện tích đất trên thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61, diện tích 394m², nhưng năm 2018 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 262m², cấp thiếu 132m² lý do là để làm hành lang giao thông nhưng địa phương không trả lại số tiền đã thu 132m² là hành vi suy thoái tiêu cực tham nhũng. Mặt khác, phần hành lang giao thông 132m² này là phần đất của gia đình Thông Huế và phần đất của gia đình Ngọt T1 đã chuyển nhượng cho gia đình ông, không liên quan đến diện tích 394m² nêu trên nhưng Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại lần hai lại không làm rõ vấn đề này.

Vì thế ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai vì quyết định này vi phạm nghiêm trọng pháp luật hiện hành ảnh hưởng và xâm phạm đến quyền, lợi ích chính đáng của gia đình ông liên quan đến thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61, diện tích 394m² mà gia đình ông đang sử dụng hợp pháp; yêu cầu tuyên bố hành vi chậm trễ ban hành quyết định 220/QĐ-UBND là trái pháp luật; buộc Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết lại toàn bộ khiếu nại lần hai cho ông theo đúng quy định của pháp luật và chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện L phải thực hiện vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thêm diện tích 132m² cho đủ diện tích thực tế là 394m² mà gia đình ông đang sử dụng như Văn bản số 1767/UBND-NC ngày 21/06/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B và đúng quy định của Luật Đất đai; buộc Chủ tịch UBND tỉnh B phải bồi thường về sức khỏe và tinh thần cho ông số tiền là 250.000 đồng.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:

Ông Nguyễn Văn T khiếu nại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu vì cho rằng Quyết định 1281/QĐ-UBND vi phạm nghiêm trọng pháp luật hiện hành.

+ Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu:

Căn cứ Bản án hành chính sơ thẩm số 13/HC-ST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Bản án hành chính phúc thẩm số 763/2023/HC-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện L ban hành Thông báo số 42/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn T và Quyết định số 974/TB-UBND về việc xác minh

nội dung khiếu nại lần đầu, theo đó nội dung giải quyết khiếu nại là “Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện L phải thực hiện hành vi hành chính là vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thêm diện tích 132m² của thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61 và giải quyết liên quan 5 loại giấy tờ trong hồ sơ thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61 do giả mạo chữ ký của ông T”.

Ngày 06/11/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L có Báo cáo số 117/BC-TNMT báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn T. Theo đó, Phòng T đã mời ông Nguyễn Văn T và ông Cung Văn T2 (người được ông T ủy quyền) 04 lần: Lần 1 ông Cung Văn T2 đến nhưng không cung cấp được giấy tờ tùy thân, vì vậy không làm việc, các lần khác ông T không đến làm và gửi đơn xin giải quyết vắng mặt do đau ốm.

Ngày 07/11/2023, UBND huyện L ban hành Quyết định số 1281/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn T, trong đó kết luận: “Việc ông Nguyễn Văn T khiếu nại Chủ tịch UBND huyện L phải thực hiện hành vi hành chính là vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thêm diện tích 132m² của thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61, xã T không có cơ sở. Lý do: Diện tích này đang quy hoạch là đất giao thông, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận là đất ở theo quy định của pháp luật.

Không có cơ sở để giải quyết nội dung khiếu nại có 5 loại giấy tờ trong hồ sơ thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61 do giả mạo chữ ký của ông Nguyễn Văn T. Lý do: Ông Nguyễn Văn T không đến làm việc trực tiếp với cơ quan xác minh theo quy định, do vậy không lấy được chữ ký mẫu của ông Nguyễn Văn T để trưng cầu giám định”.

+ Ngày 11/12/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B có Quyết định số 2303/QĐ-UBND giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác minh, đối thoại làm rõ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn T.

Ngày 22/2/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có Báo cáo số 33/BC-STNMT báo cáo kết quả xác minh đơn của ông Nguyễn Văn T.

- Kết quả xác minh:

Về nguồn gốc và hồ sơ địa chính của thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61: Thửa đất gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng có nguồn gốc được thôn Đ giao không đúng thẩm quyền từ năm 1996, diện tích 15 thước. Theo phiếu thu số 15 ngày 28/01/1996 do thôn Đ lập có nội dung: “Anh T nộp tiền đầu thầu lâu dài thúng 5 mẫu, tổng là 15 thước” số tiền 2.333.000 đồng.

Năm 2002, đo đạc bản đồ địa chính xã T, thửa đất ông T đang sử dụng là thửa 59, tờ bản đồ 61, diện tích 394m².

Năm 2017, ông Nguyễn Văn T có đơn đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N, số phát hành: CH

071448, số vào sổ cấp GCN: CH07655/QĐ 1427 ngày 06/9/2017, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61, diện tích 262 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

Về sự phù hợp quy hoạch đối với diện tích 132m²: Đối chiếu với quy hoạch đường tỉnh 285 và đường huyện (theo bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới đường tỉnh 285 rộng 27m, đường huyện rộng 24m), diện tích 132m² của thửa đất số 59, tờ bản đồ 61 mà gia đình ông T đề nghị UBND huyện L ghi bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp nằm trong hành lang đường.

Về nội dung thụ lý giải quyết khiếu nại: căn cứ Bản án số 13/2023/HC- ST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 974/TB-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại lần đầu và Thông báo số 42/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn T; nội dung thụ lý khiếu nại này trùng với nội dung Văn bản số 1767/UBND-NC ngày 21/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc yêu cầu Chủ tịch UBND huyện L xem xét, giải quyết, trả lời công dân liên quan đến khiếu nại lần đầu.

Việc xác định diện tích 132m² được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, UBND xã T căn cứ vào quy hoạch nông thôn mới được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã T.

Đối với nội dung ông T cho rằng 05 loại giấy tờ trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 59, tờ bản đồ 61 là giả mạo chữ ký của ông T: Trong quá trình xác minh, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L đã 04 lần mời ông T đến làm việc để xác minh, nhưng ông T và người được ông T ủy quyền không đến làm việc trực tiếp nên không có được chữ ký mẫu của ông Nguyễn Văn T để trưng cầu giám định. Do đó, không có cơ sở xác định chữ ký trong 05 loại giấy tờ trên là giả mạo.

Việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu Chủ tịch UBND huyện L phải thực hiện hành vi hành chính là vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thêm diện tích 132m² về bản chất là khiếu nại việc UBND huyện L không cấp bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 132m² đất mà ông đang sử dụng. Ông cho rằng diện tích 132m² đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chủ tịch UBND huyện L đã thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T theo Bản án số 13/2023/HC-ST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh về bản chất trùng với nội dung khiếu nại được nêu trong Văn bản số 1767/UBND-NC ngày 21/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Để có căn cứ ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký theo quy định thì phải có chữ ký mẫu của ông Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp. Vì vậy, việc ông T cho rằng Chủ tịch UBND huyện L không giải quyết nội dung ông khiếu nại có

05 loại giấy tờ trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận thửa đất số 59, tờ bản đồ 61 là giả mạo chữ ký của ông T là không đúng.

Sau khi xem xét hồ sơ, đối chiếu với quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh B thấy:

- Việc thu thập hồ sơ, chứng cứ liên quan: Đã được thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

- Về thực hiện trình tự thủ tục trong quá trình xem xét qua hồ sơ: Đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, cụ thể: Đã có văn bản giao Sở T xem xét, xác minh, thu thập tài liệu liên quan đầy đủ, đúng quy định. Cơ quan tham mưu đã làm việc, đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

- Về nội dung khiếu nại: Việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn T đã được các cơ quan chuyên môn như: Chủ tịch UBND huyện L, Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại đúng quy định.

- Căn cứ pháp luật để ban hành quyết định giải quyết:

- * Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu: Thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện L theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về hình thức giải quyết khiếu nại: Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định giải quyết là đúng quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

- * Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2: Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

- Kết luận: Căn cứ Báo cáo số 33/BC-STNMT ngày 22/2/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 07/3/2024, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần 2) là đúng quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh B không đồng ý khởi kiện của ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, không đồng ý các yêu cầu buộc Chủ tịch UBND tỉnh B chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện L phải thực hiện vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thêm diện tích 132m² liên quan đến thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61 và yêu cầu bồi thường về sức khỏe và tinh thần cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 250.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện L trình bày:

Ngày 02/8/2023, UBND huyện L nhận được Bản án số 13/2023/HC-ST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc khởi kiện hành vi không giải quyết khiếu nại và hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất. Phần quyết định của bản án có nội dung sau, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T gồm:

Buộc Chủ tịch UBND huyện L phải giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61 bao gồm: Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện L phải thực hiện hành vi hành chính là vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thêm diện tích 132m² của thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61 và giải quyết liên quan 05 loại giấy tờ trong hồ sơ thửa đất số 59, tờ bản đồ số 61 do giả mạo chữ ký của ông T.

Ngày 11/8/2023, UBND huyện L ban hành Quyết định số 974/QĐ-UBND về việc giao xác minh nội dung khiếu nại lần đầu.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, UBND huyện L nhận được thông báo của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định đưa ra xét xử phúc thẩm vụ án hành chính về việc “Khởi kiện hành vi không giải quyết khiếu nại và hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Ngày 18/10/2023, UBND huyện ban hành Văn bản số 1467/UBND-TCĐ về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân.

Ngày 13/10/2023, UBND huyện L ban hành Văn bản số 1447/UBND-TNMT xin ý kiến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh trong việc giải quyết vụ việc khiếu nại lần đầu của công dân.

Ngày 03/11/2023, UBND huyện L nhận được Bản án số 763/2023/HC-PT ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc khởi kiện hành vi hành chính.

Ngày 06/11/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L có Báo cáo số 117/BC-TNMT báo cáo kết quả xác minh giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn T.

Ngày 07/11/2023, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1281/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu). Không đồng ý việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện L, ông Nguyễn Văn T đã gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 07/3/2024, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 220/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Văn T. Theo đó quyết định công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Văn T.

Xét thấy việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T đã được giải quyết theo đúng quy trình, trình tự và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và xem xét vụ việc theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N có đơn trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn T. Bà N xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T.

2. Bác yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh B phải bồi thường thiệt hại về tinh thần và sức khỏe cho ông T là 250.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo, ý kiến quan điểm trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và cho rằng nếu trừ diện tích hành lang giao thông thì vẫn đủ diện tích 394m² đất mà gia đình ông đã nộp tiền sử dụng đất. Khi làm thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Thống kê K diện tích 394m², ông T không thừa nhận ký văn bản nào thể hiện diện tích 262m² đất. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, nghe ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa đã kết luận: Đất của gia đình ông T có nguồn gốc được giao trái thẩm quyền và trong diện tích 394m² đất gia đình ông T đang sử dụng có 132m² đất thuộc quy hoạch hành lang giao thông. Năm 2017, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận là 262m². Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông T không khiếu nại cho đến năm 2022 mới khiếu nại. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm ông T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát

nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Đồng thời, xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của quyết định hành chính có liên quan là đúng quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

[1.1] Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 22/8/2024, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện L, bà Nguyễn Thị N đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn T và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ nhất, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đều không có kháng cáo và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự này đều có ý kiến, quan điểm trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Ông Nguyễn Văn T cho rằng năm 2009 chính quyền địa phương thu tiền sử dụng 394m² đất của gia đình ông với số tiền 23.640.000 đồng theo Phiếu thu ngày 30/12/2009, nhưng năm 2018 chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông thừa số 59, tờ bản đồ số 61, diện tích 262m², thiếu 132m² nhưng không trả lại số tiền gia đình ông đã nộp đối với diện tích 132m² nên ông khiếu nại đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thêm 132m² cho đủ diện tích thực tế gia đình ông đang sử dụng. Khiếu nại của ông T đã được Chủ tịch UBND huyện L và Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết.

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Bắc Ninh:

- Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Bắc Ninh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về trình tự, thủ tục ban hành: Trên cơ sở đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, Chủ tịch UBND huyện L đã có thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu; ban hành Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 giao cho Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện L tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại; Bản án hành chính phúc thẩm số 7634/2023/HC-PT ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện L đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại tại UBND xã T và 04 lần mời ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T đến làm việc, nhưng đều không đến làm việc. Trên cơ sở Báo cáo số 117/BC-TNMT ngày 06/11/2023 của Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện L, ngày 07/11/2023 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1281/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn T là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu Nại.

- Về nội dung quyết định: Căn cứ Phiếu thu ngày 30/12/2009; Bản cam kết của ông Nguyễn Văn T về nguồn gốc, đối tượng và thời điểm sử dụng đất ngày 27/3/2017 của ông Nguyễn Văn T; Biên bản xác định nguồn gốc, đối tượng, diện tích và hiện trạng, ranh giới sử dụng các loại đất ngày 27/3/2017; biên bản làm việc với UBND xã T ngày 25/8/2023 có cơ sở xác định năm 1996 gia đình ông T được thôn Đ giao cho 15 thước thùng khu 5 mẫu nằm trên trục đường ĐT285. Năm 2014, đo đạc bản đồ địa chính là thửa số 59, tờ bản đồ 61, diện tích 394m². Năm 2017, hộ ông T làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và xác định trong thửa đất này có 132m² đất nằm trong hành lang giao thông không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Tại Biên bản xác định nguồn gốc, đối tượng, diện tích và hiện trạng, ranh giới sử dụng các loại đất ngày 27/3/2017 có đại diện UBND xã T, Trưởng thôn và ông Nguyễn Văn T đã thống nhất cắt trả 132m² đất giao thông theo đúng quy định của pháp luật và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo đúng diện tích và hiện trạng sử dụng là 262m². Ông T cam kết sử dụng đúng với hiện trạng sử dụng đất 262m², không có bất cứ ý kiến, kiến nghị gì đối với phần diện tích cắt trả giao thông 132m² và ký vào biên bản nêu trên. Tại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/2/2017 ông T cũng đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 59, tờ bản đồ 61 diện tích 262m² đất ONT và tại đơn kê khai xác định diện tích trong, ngoài hạn mức khi cấp giấy

chứng nhận ngày 09/02/2017; Bản cam kết về nguồn gốc, đối tượng và thời điểm sử dụng đất đối với những trường hợp đã nộp tiền sử dụng đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/3/2017 của ông T đều thể hiện là chủ sử dụng thửa số 59, tờ bản đồ số 61, diện tích 262m².

Đối chiếu với quy hoạch đường tỉnh lộ 285 và đường huyện theo Bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới đường tỉnh lộ 285 rộng 27m, đường huyện rộng 24m thì diện tích 132m² thuộc thửa số 59, tờ bản đồ 61 nằm trong hành lang giao thông đường tỉnh 285. Do đó, UBND xã T và UBND huyện L đều xác định diện tích đất này không phù hợp với quy hoạch vì đang quy hoạch là đất giao thông và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở theo quy định của pháp luật.

Đối với 05 loại giấy tờ trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông T cho là giả mạo chữ ký của ông, nhưng quá trình giải quyết khiếu nại ông T không đến làm việc với các cơ quan xác minh theo quy định nên không lấy được chữ ký của ông T để trưng cầu giám định.

Từ những kết quả xác minh trên, Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông T là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B:

Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai là đúng quy định tại Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về trình tự, thủ tục ban hành: Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Bắc Ninh, ông Nguyễn Văn T khiếu nại. Ngày 11/12/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B có Thông báo số 133/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 và ban hành Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 giao Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B đã tổ chức làm việc xác minh nội dung khiếu nại của ông T và xác minh nguồn gốc đất với các cơ quan quản lý đất đai tại địa phương, tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Trên cơ sở Báo cáo kết quả xác minh khiếu nại số 33/BC-STNMT ngày 22/02/2024 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B, ngày 07/3/2024 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn T là đúng quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về nội dung quyết định: Trên cơ sở xác minh nguồn gốc đất và hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T trong đó thể hiện

ông T có đơn đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 262m². Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được niêm yết công khai và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ngày 06/9/2017, UBND huyện L ban hành Quyết định số 1427/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã T trong đó công nhận cho ông T và bà N thửa số 59, tờ bản đồ 61, diện tích 262m² đất ONT. Ngày 08/02/2018, ông T và bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông T không có ý kiến gì cho đến năm 2022 ông T mới có đơn khiếu nại gửi UBND huyện L về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông thiếu 132m² đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng năm 2018 ngay sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đã có đơn khiếu nại nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khiếu nại tại thời điểm đó.

Khiếu nại của ông T đã được Chủ tịch UBND huyện L giải quyết như phân tích nêu trên. Do quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện L được xác định là đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND tỉnh B xác định khiếu nại của ông T là không có căn cứ, từ đó công nhận và giữ nguyên nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện L đối với ông T, yêu cầu ông T thực hiện theo nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và đề nghị ông T gửi hồ sơ đề nghị giám định chữ ký đến tổ chức có chức năng giám định để được thực hiện theo yêu cầu là có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 giải quyết khiếu nại lần 2 đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có căn cứ là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh B bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần với số tiền 250.000 đồng: Ông T không đưa ra được các căn cứ chứng minh ông bị thiệt hại về sức khỏe và tinh thần từ việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông T là có căn cứ.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của ông T.

[3] Về án phí: Do ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2024/HC-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh ;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu phòng HCTP, HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phương Hạnh